

Số: *412* KH-UBND

Hà Giang, ngày *07* tháng 11 năm 2017

KẾ HOẠCH
Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động
cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2018

I. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11; Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11;

Căn cứ Nghị định số: 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 07 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36a/NQ-CP*).

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 (*sau đây gọi tắt là Quyết định 1819/QĐ-TTg*);

Căn cứ Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 1.0.

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 30/12/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Hà Giang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

Căn cứ Chương trình số 138-CTr/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020.

Căn cứ Văn bản số 3500/BTTTT-THH ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT năm 2017 và hướng dẫn xây dựng kế hoạch CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2018.

II. Kết quả ứng dụng CNTT năm 2017

A. Những kết quả đạt được

1. Môi trường pháp lý

Nhằm triển khai có hiệu quả Nghị quyết 36a/NQ-CP, Quyết định số 1819/QĐ-TTg của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm ban hành và triển khai các kế hoạch, chương trình, chính sách, quy định để tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng và phát triển ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước gồm:

+ Chương trình số 138-CTr/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 20/4/2015 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

+ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020.

+ Chi thị số 1272/CT-UBND ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử và ứng dụng chữ ký số trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang;

+ Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 quy định quản lý, vận hành và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

+ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng các hệ thống giao ban trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành quy chế an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

2. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Hầu hết các huyện, thành phố, xã phường, thị trấn đã có cáp quang đến trung tâm; Số trạm thu phát sóng (BTS) đạt 1.514 trạm; Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động đạt 98%, riêng khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư đạt 100%;

- Tỷ lệ máy tính trên cán bộ, công chức trên địa bàn toàn tỉnh đạt 93%; Một số xã, phường, thị trấn được đầu tư triển khai mạng nội bộ LAN, phục vụ ứng dụng một cửa điện tử liên thông từ tỉnh, đến các xã.

- Các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện đã hoàn thành việc triển khai và mạng nội bộ LAN, trang bị máy chủ và các phần mềm, phần cứng an toàn thông tin, đảm bảo khả năng kết nối với Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp bổ sung hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT quan trọng, cho phép kết nối, liên kết tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Triển khai đầu tư, mở rộng hệ thống giao ban trực tuyến kết nối liên thông 4 cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) với quy mô: 04 điểm cầu cấp tỉnh (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính); 11/11 điểm cầu huyện thành phố; 191/195 điểm cầu xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Các hệ thống giao ban trực tuyến hoạt động thường xuyên, phục vụ kịp thời chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần cải cách hành chính.

- Triển khai đưa vào sử dụng toàn diện và thống nhất việc thuê dịch vụ phần mềm Quản lý Văn bản điều hành điện tử (VNPTiOffice) đến 100% Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã phường, thị trấn. Hoàn thành việc nâng cấp phần mềm VNPTiOffice phiên bản 2.0 lên phiên bản 3.0 và triển khai tích hợp chữ ký số chuyên dùng trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức nâng cấp, duy trì, vận hành hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Hà Giang; tổ chức rà soát, điều chỉnh, cấp mới, nâng tổng số hộp thư điện tử công vụ cho cán bộ công chức các cấp trên địa bàn tỉnh (với quy mô trên 14.000 hộp thư điện tử) đồng thời cập nhật số điện thoại, hồ sơ danh bạ công chức điện tử trên Cổng thông tin điện tử. Duy trì và thay đổi tin nhắn thương hiệu (Brandname) gắn với địa chỉ thư điện tử của 11 đồng chí Lãnh đạo tỉnh trên hệ thống thư điện tử công vụ.

- Tổ chức cấp, tập huấn, hướng dẫn sử dụng chứng thư số của Ban cơ yếu Chính phủ cho cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền ký trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước, với tổng số 2.725 chứng thư số. Trong đó: 597 chứng thư số cho tổ chức; và 2.128 chứng thư số cho cá nhân.

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đã thống nhất gửi, nhận văn bản điện tử đến các cơ quan trên phần mềm VNPTiOffice, thư điện tử công vụ của tỉnh. Ước tính 75% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh sử dụng dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy). 70% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy); 28% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hoàn toàn dưới dạng điện tử và có ứng dụng chữ ký số (không gửi văn bản giấy).

- Một số cơ quan, đơn vị cũng đã quan tâm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành năm 2017 như: Ứng dụng phần mềm quản lý đầu tư công của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Hệ thống giám sát trực tuyến các phiên tòa của Tòa án nhân dân tỉnh; Phần mềm quản lý cấp số ô tô ra/vào tự động của Ban quản lý khu kinh tế; Phần mềm quản lý và cung cấp giá đất của Sở Tài nguyên và Môi trường; Phần mềm CSDL theo dõi các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao của Văn phòng UBND tỉnh;...

- Ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục: Triển khai đột phá ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy, học tập đến các cấp học và các cơ sở Giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện tích hợp 03 sản phẩm ứng dụng gồm VNPT-iOffice, vnEdu, Portal, tạo điều kiện thuận lợi xây dựng CSDL giáo viên, học sinh các cấp trên vnEdu. Năm học 2016 - 2017 đã có gần 80% số trường đã áp dụng các hình thức hồ sơ, sổ sách điện tử, báo cáo trực tuyến.

- Triển khai tại Hà Giang phần mềm Quản lý bệnh viện VNPT-HIS, đáp ứng các yêu cầu quản lý của các cơ sở y tế và phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước. Các cơ sở khám chữa bệnh có thể kết xuất, chuyển các báo cáo thanh quyết toán BHYT nhanh chóng, chính xác.

- Triển khai phần mềm Quản lý lưu trú, tạm trú trực tuyến đến các đơn vị nghiệp vụ công an tỉnh và đến các cơ sở quản lý lưu trú như khách sạn, nhà nghỉ. Số cơ sở lưu trú được kết nối đến thời điểm 30/6/2017 là 126 cơ sở.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử được triển khai và đưa vào hoạt động hiệu quả gồm: 01 Cổng thông tin điện tử của tỉnh; 47 trang thông tin điện tử thành phần của Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đoàn thể của tỉnh và 11 Trang thông tin điện tử thành phần của các xã đạt chuẩn nông thôn mới. Năm 2017, hoàn thành triển khai mở rộng 105 trang thông tin điện tử thành phần xã thuộc thành phố Hà Giang, huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quang Bình. Các Trang thông tin điện tử được cấp tên miền và liên kết vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ.

- Các hoạt động an toàn, an ninh thông tin của các hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là an toàn thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước, được triển khai thường xuyên, đảm bảo hoạt động cho các hệ thống trước các cuộc tấn công mạng.

- Triển khai hệ thống một cửa điện tử tại các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh và liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ dichvucong.hagiang.gov.vn, do Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Giang theo dõi, giám sát thực hiện. Năm 2017, triển khai một cửa điện tử liên thông xã tại 36 xã, thị trấn thuộc huyện Bắc Mê, Bắc Quang, đảm bảo liên thông với Trung tâm hành chính công của huyện, tỉnh. Đồng thời hoàn

thành việc tích hợp chữ ký số chuyên dùng trên phần mềm một cửa điện tử liên thông; cấu hình 185 thủ tục hành chính liên thông giữa các Sở, ngành và văn phòng UBND tỉnh. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa điện tử liên thông 9 tháng đầu năm 2017 cụ thể:

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận 8.099, trong đó kỳ trước chuyển qua 228, tiếp nhận mới 7.870 hồ sơ,

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 7.557, trước hạn 3.662, đúng hạn 3.829 và quá hạn 66 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 542, còn hạn 527, quá hạn 15 hồ sơ.

- Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động một cửa điện tử liên thông tại 08 xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Giang, kết nối với Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính của thành phố Hà Giang.

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực CNTT

- Hầu hết cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện đã bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; Tỷ lệ cán bộ chuyên trách có trình độ CNTT: Đại học, trên đại học đạt 28%; Cao đẳng 18,7%; dưới Cao đẳng 53,3%.

- Năm 2017, tổ chức 9 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ công chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh kiến thức quản trị, vận hành và sử dụng các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh như phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc; phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông; chữ ký số; thư điện tử... Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ công chức, viên chức theo chuẩn kỹ năng cơ bản về CNTT theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục tuyên truyền và thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và cập nhật kiến thức an ninh mạng nhằm chủ động phòng, tránh các cuộc tấn công an ninh mạng cho cán bộ, công chức viên chức tại các cơ quan nhà nước.

6. Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án thực hiện đầu tư năm 2017

Thực hiện Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 17/10/2016 về việc ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2017. Năm 2017, Hà Giang đã và đang triển khai một số nhiệm vụ, dự án CNTT cụ thể như sau:

- Triển khai dự án nâng cấp, mở rộng giao ban trực tuyến tỉnh Hà Giang (chuyển tiếp năm 2016).

- Triển khai Trang thông tin điện tử thành phần xã giai đoạn I.
- Triển khai phần mềm một cửa điện tử liên thông xã thuộc huyện Bắc Mê, Bắc Quang tỉnh Hà Giang.
- Triển khai nâng cấp bổ sung hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh Hà Giang.
- Xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang.
- Và một số nhiệm vụ ứng dụng CNTT của Tòa án nhân dân tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tài nguyên và Môi trường....

7. Đánh giá chung

- Các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh được vận hành, duy trì hoạt động liên tục, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, phục vụ kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, tạo ra môi trường làm việc điện tử, nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian và chi phí, góp phần thúc đẩy công tác cải cách hành chính.

- Các phần mềm ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh được triển khai thống nhất, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả việc gửi/nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh với nhau và với Văn phòng Chính phủ.

- Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Giang được khai trương kết nối liên thông và giải quyết thủ tục hành chính tại 18 Sở, ngành của tỉnh, liên thông 185 thủ tục hành chính với Văn phòng UBND tỉnh, bước đầu mang lại hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Các Trang thông tin điện tử hoạt động thường xuyên, phục vụ sự chỉ đạo điều hành của cấp ủy chính quyền, đồng thời cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

B. Những thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, tình hình ứng dụng công nghệ thông tin đã được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm triển khai và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần cải cách hành chính, hướng tới Chính phủ điện tử.

- Hạ tầng trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ thông tin của ngành, đơn vị, địa phương được quan tâm triển khai, phục vụ cải cách hành chính, tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử.

2. Khó khăn

- Vẫn còn có những công chức, viên chức nhận thức về vai trò, vị trí của việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa chủ động nghiên cứu, vận dụng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực thi công vụ.

- Một số ứng dụng công nghệ thông tin tự phát theo yêu cầu nhiệm vụ của từng ngành, từng đơn vị nên chưa đồng bộ, có sự chông chéo, khó khăn trong việc liên thông, liên kết tích hợp thành các cơ sở dữ liệu của tỉnh.

C. Đề xuất giải pháp khắc phục

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ ký kết chương trình hợp tác, tổ chức các hội nghị, hội thảo về sự gắn kết giữa cải cách hành chính và ứng dụng CNTT để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về vị trí, vai trò của CNTT.

- Đẩy mạnh tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn; các lớp chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT, tổ chức thi và cấp chứng chỉ CNTT để chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường quản lý nhà nước về CNTT đối với các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, tránh sự chông chéo, trùng lặp trên địa bàn tỉnh.

III. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2018

- Nâng cao tỷ lệ máy tính trên cán bộ, công chức trên địa bàn toàn tỉnh đạt 95%; Đảm bảo 30% số xã được đầu tư triển khai mạng nội bộ LAN, phục vụ ứng dụng một cửa điện tử liên thông từ tỉnh, đến các xã.

- Phấn đấu 80% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh sử dụng dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy). 75% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy); 38% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hoàn toàn dưới dạng điện tử và có ứng dụng chữ ký số (không gửi văn bản giấy);

- 100% các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 2 được đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử; 80% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3; triển khai và đưa vào sử dụng 30 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4;

- 78% thông tin chỉ đạo điều hành, văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; 85% các cuộc họp giữa UBND tỉnh với UBND cấp huyện, các xã biên giới thực hiện trên môi trường trực tuyến.

- Phủ sóng Wifi công cộng tới 70% điểm du lịch tại trung tâm thành phố Hà Giang; các điểm thăm quan du lịch thuộc Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn.

IV. Nội dung kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018

4.1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Triển khai hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và viễn thông đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên triển khai đến các xã chưa có hạ tầng internet bao gồm: Thượng Phùng - Mèo Vạc; Ngam La, Sủng Tráng - Yên Minh; Thanh Đức - Vị Xuyên.

- Triển khai hạ tầng kỹ thuật mạng nội bộ (LAN) cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên để triển khai kết nối phần mềm một cửa điện tử liên thông với UBND huyện và Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Thực hiện quy hoạch, tích hợp các hệ thống hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang bị cho Trung tâm CNTT và Truyền thông để nâng cao năng lực làm chủ công nghệ, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị sử dụng, ứng cứu an toàn thông tin.

4.2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng vào phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc, hệ thống một cửa điện tử; triển khai tích hợp chữ ký số chuyên dùng trên phần mềm thư điện tử công vụ tỉnh Hà Giang.

- Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh việc sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi công việc. Nghiêm cấm sử dụng hộp thư gmail, yahoo, hotmail... (các hộp thư miễn phí do nước ngoài cung cấp) để gửi nhận văn bản, trao đổi công việc.

- Triển khai có hiệu quả việc thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc, đẩy mạnh việc tích hợp phần mềm Vnptioffice với các ứng dụng dùng chung trong hoạt động cơ quan nhà nước.

- Triển khai một số ứng dụng CNTT chuyên ngành cơ bản như: quản lý cán bộ công chức, viên chức; quản lý thông tin kinh tế xã hội; quản lý giáo dục, bệnh viện...

4.3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh, liên kết tích hợp các Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để thống nhất điểm truy cập và cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai Trang thông tin điện tử thành phần đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, kết nối với Trang thông tin thành phần của các huyện, thành phố và Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Hoàn thành triển khai liên thông hệ thống một cửa điện tử liên thông giữa các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố với Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Giang; Triển khai liên thông một cửa điện tử tới 100% các xã thuộc huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên.

- Thành lập đường dây nóng tiếp nhận và trả lời phản ánh của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của các cơ quan nhà nước trên Cổng thông tin điện tử.

- Triển khai các điểm phủ sóng Wifi công cộng tại thành phố Hà Giang; các huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc, phục vụ khách thăm quan, du lịch Cao nguyên đá Đồng Văn.

4.4. Nguồn nhân lực CNTT

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đặc thù cho công chức, viên chức chuyên trách CNTT theo Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao chuẩn kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT cho cán bộ công chức phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước có khả năng tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, quản trị hệ thống mạng, các cơ sở dữ liệu, ứng dụng chuyên ngành của từng đơn vị.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

5.1. Giải pháp về môi trường chính sách

- Duy trì, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang; triển khai hiệu quả quy chế quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Hà Giang.

- Xây dựng các quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông tỉnh Hà Giang.

- Tổ chức đánh giá xếp hạng về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang.

- Thực hiện có hiệu quả quy định đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước; Đưa nội dung đảm bảo an toàn thông tin vào quy chế, quy định quản lý vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin.

5.2. Giải pháp về tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh để đầu tư, thực hiện các dự án, chương trình trọng tâm, trọng điểm để tạo động lực, thúc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động bố trí kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị, phần mềm, chi các hoạt động thường xuyên ứng dụng CNTT, chi đào tạo nguồn nhân lực...

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút nguồn kinh phí của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Tranh thủ nguồn lực triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về CNTT giai đoạn 2016-2020; Chương trình viễn thông công ích để triển khai ứng dụng CNTT và viễn thông trên địa bàn tỉnh.

5.3. Giải pháp triển khai

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh về CNTT, Ban chỉ đạo CNTT cấp huyện nhằm đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ, cải cách hành chính, hướng tới Chính phủ điện tử.

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản về CNTT như Luật Giao dịch điện tử, Luật CNTT; Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị quyết chuyên đề về CNTT....

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan đơn vị trong việc ứng dụng CNTT vào công tác chỉ đạo, điều hành.

- Triển khai thí điểm các mô hình ứng dụng CNTT tại mỗi ngành, địa phương, sau đó đánh giá hiệu quả, đúc rút kinh nghiệm và tổ chức nhân rộng tới các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh;

- Thường xuyên hướng dẫn, tổ chức các lớp tập huấn về công tác bảo mật thông tin trên môi trường mạng cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Dự kiến kinh phí 2018	Đơn vị chủ trì
I	Kinh phí thực hiện ứng dụng CNTT	22.600	
1	Triển khai phần mềm quản lý văn bản liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên toàn tỉnh (cả 03 cấp tỉnh, huyện, xã)	1.600	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (giai đoạn I)	3.000	Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Trung tâm HCC

3	Hoàn thành triển khai trang thông tin điện tử thành phần xã trên địa bàn tỉnh (giai đoạn II)	3.000	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Hệ thống quản lý giáo dục	500	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Triển khai hệ thống trực tuyến đến các cơ sở giáo dục	1.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Xác thực bảo mật an toàn thông tin và tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào 02 hệ thống Trang thông tin điện tử; Thư điện tử của tỉnh	1.000	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Phần mềm xếp hạng ứng dụng CNTT trong cơ quan hành chính nhà nước	200	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc	6.500	Ban dân tộc
9	Triển khai tích hợp phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc với Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước	750	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Triển khai tích hợp phần mềm dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước	750	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Triển khai phần mềm một cửa điện tử liên thông xã thuộc huyện Xín Mần, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì với Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Giang	1.500	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Nâng cấp phần mềm y tế xã phường liên thông (sổ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình)	800	Sở Y tế
13	Xây dựng kho phác đồ điều trị ngành Y tế	500	Sở Y tế
14	Xây dựng nền tảng, chia sẻ quy mô cấp tỉnh - LGSP (kiến trúc chính quyền điện tử)	1.500	Sở Thông tin và Truyền thông
II	Kinh phí phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT	4.500	
1	Triển khai hệ thống một cửa điện tử liên thông xã thuộc 02 huyện Quản Bạ, Vị Xuyên (liên thông với huyện và Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Giang)	3.000	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Nâng cấp bổ sung hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu (bổ sung kinh phí tiếp năm 2016)	1.000	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Hiện đại hóa hạ tầng Trung tâm CNTT&TT	500	Trung tâm CNTT&TT
III	Kinh phí phát triển nguồn nhân lực CNTT	600	

1	Tập huấn ứng cứu sự cố mạng máy tính	150	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đào tạo chuẩn kỹ năng cơ bản, nâng cao về ứng dụng CNTT cho CBCCVC phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước theo 03/2014/TT-BTTTT	300	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Đào tạo kỹ năng vận hành, chuyên trách CNTT	150	Sở Thông tin và Truyền thông
Tổng kinh phí thực hiện		27.700	

Nhu cầu kinh phí 2018: 27.700 triệu đồng. (Hai mươi bảy tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT này. Tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang;

- Cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành CNTT phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT ở mỗi cấp, mỗi ngành trên toàn tỉnh.

- Theo dõi hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

7.2. Sở Tài chính

Chủ trì và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định bố trí vốn kinh phí sự nghiệp cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

7.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định bố trí vốn đầu tư phát triển cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT; chương trình mục tiêu quốc gia về CNTT (nếu có).

7.4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ công chức đáp ứng chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT theo quy định thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông, đặc biệt là cán bộ công chức cấp xã, huyện trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2018 (trong đó có nội dung đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin).

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Quy định về ban hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

7.5. Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố

Căn cứ tình hình thực tế, ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đảm bảo hiệu quả đầu tư và phù hợp với Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh.

Chi đạo cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị vận hành và sử dụng có hiệu quả các ứng dụng CNTT đã triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh như phần mềm thư điện tử (email); Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc...


Chuẩn bị hạ tầng, nguồn lực và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT nêu trong Kế hoạch này.

7.6. Viễn thông Hà Giang

Triển khai hạ tầng Viễn thông và internet đến các xã: Thượng Phùng - Mèo Vạc; Ngam La, Sủng Tráng - Yên Minh; Thanh Đức - Vị Xuyên, đảm bảo việc triển khai ứng dụng CNTT phục vụ sự chỉ đạo điều hành của chính quyền cơ sở.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2018 tỉnh Hà Giang, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTN, TH. 

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Trần Đức Quý

Phụ lục I
DANH MỤC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC
TUYÊN TỐT TIÊU MỨC ĐỘ 3 TẠI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH HÀ GIANG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 41/KH-UBND
ngày 07 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

I. Các Sở, ngành kết nối Trung tâm hành chính công tỉnh năm 2018

Stt	Tên đơn vị và số lượng thủ tục hành chính ưu tiên mức độ 3
1	Sở Y tế (88 TTHC)
2	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (96 TTHC)
3	Sở Ngoại vụ (03 TTHC)
4	Sở Giáo dục và Đào tạo (14 TTHC)
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (21 TTHC)
6	Thanh tra tỉnh (9 TTHC)
7	Sở Tư pháp (78 TTHC)
8	Ban dân tộc (5 TTHC)
9	Sở Khoa học và Công nghệ (44 TTHC)
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (50 TTHC)
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư (157 TTHC)
12	Sở Tài nguyên và Môi trường (81 TTHC)
13	Sở Tài chính (13 TTHC)
14	Sở Xây dựng (54 TTHC)
15	Sở Nội vụ (73 TTHC)
16	Sở Giao thông vận tải (70 TTHC)
17	Sở Công thương (104 TTHC)
18	Sở Thông tin và Truyền thông (36 TTHC)
19	Ban quản lý khu kinh tế (42 TTHC)

II. UBND CÁC HUYỆN

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh (06 TTHC)
2.	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã (8 TTHC)

3.	Đăng ký kinh doanh (08 TTHC)
4.	Kinh doanh Văn hóa Thông tin (02 TTHC)
5.	Liên quan tới lao động, việc làm (02 TTHC)
6.	Liên quan đến xây dựng (05 TTHC)
7.	Liên quan chứng thực (04 TTHC)
8.	Liên quan đến hành chính tư pháp (06 TTHC)
9.	Liên quan đến Tài nguyên và Môi trường (12 TTHC)

III. UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN: thuộc 02 huyện Vị Xuyên, Quản Bạ

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Hành chính – Tư pháp (04 TTHC)
2.	Tài nguyên – Môi trường (04 TTHC)
3.	Lao động, Thương binh và Xã hội (04 TTHC)
4.	Y tế (03 TTHC)
5.	Nông lâm nghiệp (04 TTHC)